

Vĩnh Phúc, ngày 01 tháng 03 năm 2023

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

*Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội*

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- + Tên giao dịch: Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long
- + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2500224026
- + Vốn điều lệ: 69.898.000.000
- + Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 69.898.000.000
- + Địa chỉ: Phường Phúc Thắng - Thành phố Phúc Yên - Tỉnh Vĩnh Phúc
- + Số điện thoại: 0243.5811.900
- + Số fax: 0243.5811.349
- + Website: [viglacerathanglong.com.vn](http://viglacerathanglong.com.vn)
- + Mã cổ phiếu: TLT

### a) Quá trình hình thành và phát triển

Tiền thân của Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long là Nhà máy gạch men Thăng Long được thành lập theo Quyết định số 1379/QĐ-BXD ngày 22/09/2000 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Viglacera-CTCP. Công ty có chức năng sản xuất, kinh doanh các sản phẩm gạch ceramic và ngói tráng men.

Ngày 16/07/2003 Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quyết định số 960/QĐ-BXD sáp nhập Công ty Gạch Granit Tiên Sơn vào Công ty Gạch men Thăng Long và đổi tên thành Công ty Gạch ốp lát Thăng Long Viglacera.

Ngày 31/12/2003, Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành quyết định số 1778/QĐ-BXD về việc chuyển Nhà máy Gạch men Thăng Long thuộc Công ty Gạch ốp lát Thăng Long Viglacera thành Công ty cổ phần Gạch men Thăng Long Viglacera.

Trong những ngày đầu mới thành lập. Công ty chỉ có 01 dây chuyền sản xuất gạch men ốp tường theo công nghệ nung 2 lần với công suất thiết kế 3 triệu m<sup>2</sup>/năm theo tiêu chuẩn Châu Âu EN159-1984. Ngay sau khi đi vào hoạt động, Công ty đã triển khai áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2000 cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty. Đến tháng 8/2002, Công ty đã vinh dự được nhận chứng chỉ ISO do QUACERT và BVQI cấp.

Tháng 11/2002, Công ty đã thực hiện thành công đề án kết nối dây chuyền nâng tổng sản lượng của Công ty lên 4 triệu m<sup>2</sup>/năm. Đây thực sự là một thành công rất lớn được bạn bè đồng nghiệp và các chuyên gia nước ngoài khâm phục và đánh giá cao. Sau thành công này Công ty đã quyết định đầu tư thêm 01 dây chuyền với công suất thiết kế 1,5 triệu m<sup>2</sup>/năm và nâng công suất sản xuất của Công ty từ 4 triệu lên 5,5 triệu m<sup>2</sup>/năm.

Tháng 04 năm 2004, được sự đầu tư của Quỹ hỗ trợ Phát triển Vĩnh Phúc, sau 03 tháng chuyển thành công ty cổ phần. Công ty đã mạnh dạn đầu tư thêm dây chuyền số 03 với công suất là 3 triệu m<sup>2</sup>/năm nâng tổng công suất của Công ty lên 8,5 triệu m<sup>2</sup>/năm.

Tháng 4 năm 2007, Công ty cổ phần Gạch men Thăng Long Viglacera đổi tên thành Công ty cổ phần Gạch men Viglacera Thăng Long.

Tháng 3 năm 2010, CTCP Gạch men Viglacera Thăng Long đổi tên thành Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long.

**b) Các sự kiện khác.**

Ngày 17/11/2006, chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán TLT.

Ngày 31/01/2013, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có quyết định số 34/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận hủy niêm yết tự nguyện cổ phiếu CTCP Viglacera Thăng Long tại thị trường niêm yết để chuyển sang đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom. Ngày chính thức hủy niêm yết là 28/02/2013.

Ngày 03/06/2013 Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 236/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Viglacera Thăng Long. Và ngày giao dịch đầu tiên trên sàn Upcom là ngày 19/06/2013.

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**

**a) Ngành nghề kinh doanh**

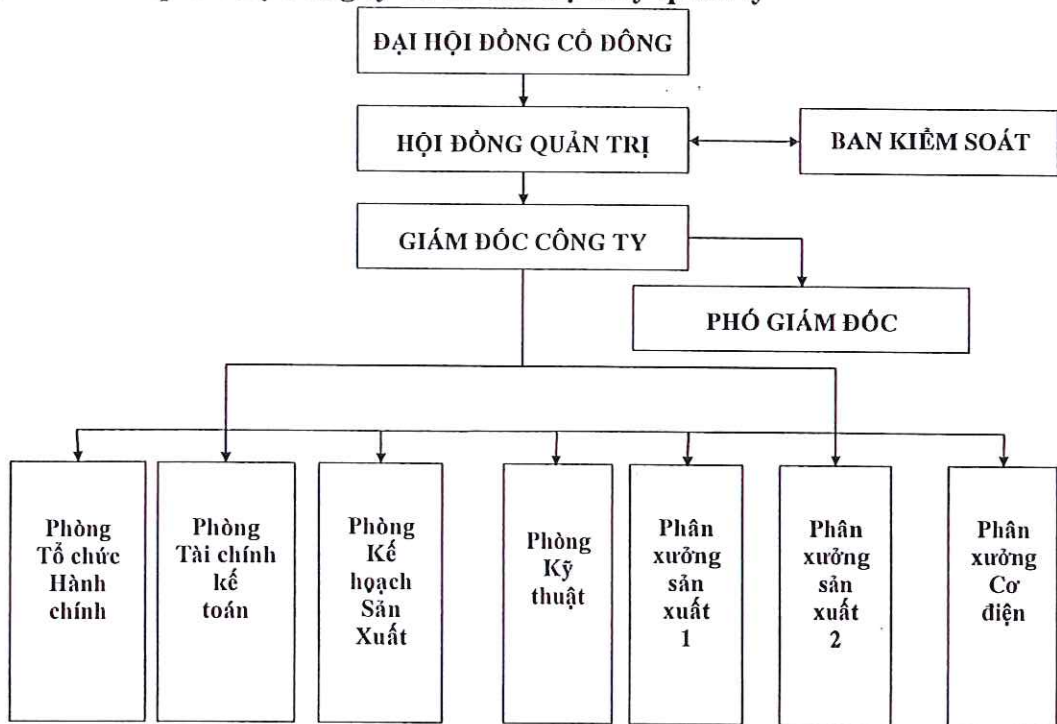
Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

**b) Địa bàn kinh doanh:**

Trên phạm vi cả nước và xuất khẩu

**3. Mô hình quản trị Công ty, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.**

**a) Mô hình quản trị Công ty và cơ cấu bộ máy quản lý**



**b) Các công ty con, công ty liên kết**

Tên công ty: Công ty cổ phần Thương mại Viglacera

Vốn điều lệ: 28.4 tỷ đồng

Giấy chứng nhận ĐKKD: 0102640785 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hà Nội cấp ngày 14/02/2008.

Trụ sở chính: Tầng 1 tòa nhà Viglacera, Số 1 đại lộ Thăng Long, Phường Mễ Trì Nam Từ Liêm - Hà Nội

Số điện thoại: 0243 5537846 Fax: 0243 5537648

Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội, ngoại thất;

Kinh doanh vật tư, nguyên vật liệu, thiết bị, phụ tùng máy móc, hoá chất (trừ hoá chất nhà nước cấp), phụ gia phục vụ sản xuất công nghiệp và xây dựng;



Kinh doanh nhà hàng, khách sạn; Dịch vụ ăn uống, giải khát; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách sạn du lịch (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng Karaoke, vũ trường);

Đào tạo ngoại ngữ, tin học, đào tạo dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);

Sản xuất và mua bán các mặt hàng: gia dụng, linh kiện, thiết bị, các mặt hàng điện, điện tử, điện lạnh, viễn thông, tin học; đồ điện dân dụng; thiết bị văn phòng; máy tính, các thiết bị mạng và phần mềm máy tính;

Các dịch vụ về quảng cáo, thiết kế phục vụ quảng cáo; in và các dịch vụ liên quan đến in;

Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, tuyến cố định;

Kinh doanh đại lý xăng, dầu, gas;

Sản xuất, mua bán ô tô, xe máy, phụ tùng ô tô, xe máy;

Tư vấn du học;

Dịch vụ môi giới, xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị trường, phiên dịch, dịch vụ dịch thuật, dịch vụ làm visa, hộ chiếu; Dịch vụ giao nhận hàng hoá;

Đại lý bán vé máy bay, tàu hoả, thu đổi ngoại tệ, đại lý bảo hiểm;

Tổ chức các hội nghị, hội thảo, triển lãm;

Sản xuất, mua bán và gia công các mặt hàng thủ công mỹ nghệ;

Mua bán lương thực, thực phẩm, rượu, bia các loại;

Sản xuất và mua bán các loại bánh kẹo, đồ uống không cồn (nước hoa quả, nước ngọt, nước khoáng, nước tinh khiết);

Đại diện cho thương nhân;

Quản lý dự án xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật;

Xử lý nền móng, thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, nông lâm nghiệp, thủy lợi, giao thông vận tải và hạ tầng kỹ thuật;

Thi công trang trí nội ngoại thất các công trình xây dựng;

Dịch vụ uỷ thác xuất, nhập khẩu; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;

Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá.

Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long góp 3,51% vốn điều lệ (tương đương 1 tỷ đồng mệnh giá) tại Công ty cổ phần Thương mại Viglacera.

*Tên Công ty: Công ty cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera.*

Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng

Giấy chứng nhận ĐKKD: 0105908818 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 06/06/2012.

Trụ sở chính: Tầng 2 tòa nhà Viglacera, số 1 đại lộ Thăng Long, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số điện thoại: 024 3543 0726 Fax: 024 3543 0725

Ngành nghề kinh doanh:

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh

Hoạt động thiết kế chuyên dụng, hoạt động trang trí nội thất

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh

Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long góp 30% vốn điều lệ (tương đương 9 tỷ đồng mệnh giá) tại Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera.



#### **4. Định hướng phát triển**

Với mục tiêu “ Sản xuất các sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu và sản xuất các sản phẩm để xuất khẩu” đồng thời xác định "Chất lượng sản phẩm là giá trị cốt lõi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty". Công ty đã lựa chọn và xây dựng một chiến lược kinh doanh nhằm phù hợp với tình hình hiện tại và có tính khả thi cao như chuyển dịch cơ cấu sản phẩm theo hướng sản phẩm có kích thước lớn và có giá trị kinh tế cao; khai thác tối đa năng lực máy móc thiết bị hiện có, tập trung đầu tư chiều sâu, cải tiến công nghệ sản xuất nhằm nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Hợp tác chiến lược với các nhà cung cấp vật tư nguyên nhiên liệu, nhằm ổn định chất lượng đầu vào, giúp cho quá trình sản xuất ổn định hơn; Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp toàn diện, bao gồm: Quản trị sản xuất, quản trị kinh doanh, quản trị tài chính và quản trị nguồn nhân lực, nhằm xác định rõ những điểm mạnh, điểm yếu của từng quá trình từ đó xây dựng những giải pháp thực thi có hiệu quả; Chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, nhằm nâng cao năng lực cán bộ có trình độ.

#### **5. Các rủi ro**

##### **a) Rủi ro về kinh tế**

Đối với nhóm sản phẩm gạch men, giai đoạn vừa qua nhiều nhà máy sản xuất gạch men được đầu tư tràn lan tại các địa phương dẫn đến sự mất cân đối về cung - cầu khiến bản thân các doanh nghiệp trong nước cạnh tranh lẫn nhau khốc liệt. Việc Việt Nam cam kết tham gia đầy đủ vào Chương trình Ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEPTs) của AFTA cũng sẽ mang đến những cơ hội cho việc xuất khẩu các sản phẩm gạch men của Công ty ra nước ngoài, tuy nhiên đây sẽ là thách thức đối với doanh nghiệp khi phải đối mặt với các sản phẩm gạch men của nước ngoài nhập khẩu vào Việt Nam.

Năm 2022 do ảnh hưởng bởi dịch hậu Covid 19 nên kinh tế toàn cầu bị ảnh hưởng nặng nề Công ty cũng gặp phải khó khăn rất lớn.

##### **b) Rủi ro về ngành nghề**

Trong tiến trình gia nhập AFTA và WTO và gần đây là EVFTA chính phủ Việt Nam sẽ chịu áp lực buộc phải gỡ bỏ hàng rào bảo hộ (thuế quan và phi thuế quan) đối với phần lớn các ngành hiện đang nhận được sự bảo hộ của Nhà nước. Vì vậy, khả năng hàng ngoại nhập nhất là hàng Trung Quốc và các nước Châu Âu sẽ nhanh chóng tràn vào thị trường trong nước. Điều này sẽ dẫn tới một sự cạnh tranh quyết liệt hơn nữa trong thời gian tới đối với các sản phẩm gạch men của Công ty.

##### **c) Rủi ro về tài chính**

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty cũng chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với



các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng.

**d) Rủi ro về kỹ thuật**

Ngoài những ưu thế riêng về kinh nghiệm trong quá trình sản xuất, công ty đã xây dựng được quy trình sản xuất khoa học, giảm thiểu chi phí vật tư đầu vào. Đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật lành nghề, có kinh nghiệm sản xuất thực tế đảm bảo phát huy tối đa công suất của thiết bị, thực hiện thành công các kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Công ty đã đề ra. Hiện nay, các đơn vị trong cùng ngành đã đầu tư các trang thiết bị sản xuất tiên tiến, công suất lớn, nhằm tiết giảm nhiều chi phí trong sản xuất đặc biệt là chi phí nhân công. Đây là vấn đề mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi cạnh tranh về giá, khi đưa sản phẩm ra chào bán trên thị trường.

**e) Rủi ro quản lý**

Nền kinh tế thị trường cùng với xu thế hội nhập đặt ra cho Công ty rất nhiều những cơ hội cũng như thách thức. Những biến động về giá vật tư đầu vào; yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, thương hiệu, mẫu mã sản phẩm ngày càng tăng; ... đòi hỏi Công ty phải có một bộ máy quản lý giỏi, tâm huyết, có kinh nghiệm thực tế mới có thể đứng vững và phát triển trong môi trường cạnh tranh ngày càng tăng. Đây là một trong những rủi ro và thách thức lớn nhất đối với Công ty hiện tại và trong tương lai.

**f) Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro kể trên, Công ty còn có thể gặp phải các rủi ro như thiên tai, dịch bệnh làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

**II. Tình hình hoạt động trong năm**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

- Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh toàn công ty

Chỉ tiêu	TH năm 2021	KH năm 2022	TH năm 2022	So sánh (%)	
				TH/ KH	TH2022/ TH2021
Doanh thu thuần	567.795.922.881	611.540.000.000	637.745.032.584	104	112
Giá vốn hàng bán	508.127.923.841		584.480.760.274		115
Doanh thu tài chính	91.457.504		368.295.343		403
Chi phí tài chính	11.069.364.924	15.799.000.000	10.659.176.901	67	96
Chi phí bán hàng	9.540.266.503	11.154.000.000	7.055.185.802	63	74
Chi phí quản lý DN	22.704.848.499	24.213.000.000	26.797.149.868	111	118
Lợi nhuận thuần từ KD	16.444.976.618	12.000.000.000	9.121.055.082	76	55
Thu nhập khác	2.426.384.008		5.248.326.219		216
Chi phí khác	6.865.887.659		1.805.745.287		26
Lợi nhuận trước thuế	12.005.472.967	12.000.000.000	12.563.636.014	105	105
Lợi nhuận sau thuế	9.492.099.862	9.600.000.000	9.666.008.088	101	102

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 và năm 2022)

Nhìn vào bảng so sánh trên chúng ta có thể thấy kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 đạt cao hơn so với năm 2021, Doanh thu thuần bằng 112%, lợi nhuận trước thuế bằng 105 %.

## 2. Tổ chức và nhân sự

### a) Danh sách Ban điều hành

TT	Họ và tên	Trình độ	Chức danh	Ghi chú
1	Đoàn Hải Mậu	Kỹ sư hóa Silicat, thạc sỹ QTKD	Giám đốc điều hành	
2	Phạm Ngọc San	Kỹ sư hóa Silicat	Phó giám đốc	
3	Luyện Công Anh	Cử nhân kinh tế, thạc sỹ tài chính	Kế toán trưởng	

### b) Lý lịch của Ban điều hành

#### - Giám đốc:

Họ và tên: Đoàn Hải Mậu

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/03/1978

Quê quán: Phường Ninh Xá, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: SN 70, đường Bùi Thị Xuân, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại liên lạc: 0912.447.525

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa Silicat và thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- + Từ 7/2001 đến 2/2002: Nhân viên Ban chuẩn bị sản xuất Nhà máy gạch Granite Tiên Sơn
- + Từ 3/2002 đến 7/2003: Đốc công PXSX
- + Từ 8/2003 đến 5/2006 : Phó quản đốc PXSX
- + Từ 1/2007 đến 2/2010 : Quản đốc PXSX
- + Từ 3/2010 đến 7/2012 : Giám đốc nhà máy Viglacera Tiên Sơn
- + Từ 8/2012 đến 7/2013 : PGĐ CTCP Viglacera Tiên Sơn kiêm GD nhà máy Viglacera Thái Bình
- + Từ 7/2013 đến nay : Giám đốc CTCP Viglacera Thăng Long.

Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên HĐQT kiêm Giám đốc

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 31/12/2022): 90.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,129%

tổng số vốn cổ phần.

#### - Phó giám đốc

Họ và tên Phạm Ngọc San

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 21/02/1978

Quê quán: Xã Trục Phương, Huyện Trục Ninh, Tỉnh Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú : Phường Cổ Nhuế 2- Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại liên lạc: 0913372705



Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn nghiệp vụ: Kỹ sư hóa Silicat

Quá trình công tác:

- + Từ năm 2002 – 7/2007 làm Trưởng Phòng công nghệ dự án, Công ty CP Tư vấn Viglacera
- + Từ tháng 8/2007 – 10/2013 làm Phó phòng KHĐT Công ty CP Đầu tư và Phát triển dịch vụ dầu khí.
- + Từ tháng 11/ 2013 – 9/2017 làm Quản đốc phân xưởng sản xuất 02, Công ty CP Viglacera Thăng Long.
- + Từ tháng 10/2017 -12/2018 làm Giám đốc Công ty CP Bê tông khí Viglacera.
- + Từ tháng 01/2019 đến nay làm Phó giám đốc Công ty CP Viglacera Thăng Long

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 31/12/2022): 0 cổ phần

**- Kế toán trưởng**

Họ và tên: Luyện Công Anh

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 29/11/1987

Quê quán: Phú Thọ

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 679 Lạc Long Quân - Quận Tây Hồ - Hà Nội

Điện thoại liên lạc: 0987.588.866

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế và Thạc sỹ tài chính

Quá trình công tác:

- + Từ năm 2014-2015: Là nhân viên tài chính kế toán tại Công ty TNHH Kính nổi Việt nam
- + Từ năm 2015- 2017: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Visaho
- + Từ năm 2017-2020: Phó Phòng pháp chế đối ngoại Tổng công ty Viglacera - CTCP.
- + Tháng 11/2020-nay: Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long.
- + Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty: Không

Số cổ phần nắm giữ (đến thời điểm 31/12/2022): 0 cổ phần

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không có

**c) Số lượng cán bộ, nhân viên: Tính đến thời điểm 31/12/2022 toàn lao động của công ty có 360 người được thể hiện theo cơ cấu trong bảng sau:**

Trình độ chuyên môn	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cao học	7	1.94
Đại học	63	17.50
Cao đẳng	57	15.83
Trung cấp	24	6.67
CNKT	77	21.39
Sơ cấp	21	5.83
Lao động phổ thông thông	111	30.83
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>360</b>	<b>100</b>

- **Các chính sách với người lao động:**

*Chính sách đào tạo*

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, và đào tạo lại, bồi dưỡng kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn. Sau khi được tuyển dụng, nhân viên mới sẽ được Công ty tổ chức đào tạo để nắm rõ về nội quy lao động, trách nhiệm quyền hạn được giao, phương pháp và kỹ năng thực hiện công việc. Ngoài ra trong quá trình làm việc căn cứ vào nhu cầu phát triển của Công ty, năng lực, trình độ cán bộ, mức độ gắn bó với. Công ty sẽ có chế độ đào tạo thích hợp.

*Chính sách tiền lương*

Chính sách tiền lương của Công ty xây dựng trên cơ sở tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng để kích thích người lao động tích cực làm việc cống hiến cho công ty.

*Các chế độ chính sách khác đối với người lao động*

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động theo Bộ luật Lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể. Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi để CBCNV trong Công ty tự học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

*Chính sách cổ tức*

Căn cứ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua chính sách phân phối lợi nhuận và cổ tức cho cổ đông của Công ty được quy định như sau:

+ Công ty sẽ chi trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi.

+ Cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội cổ đông.

**3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án**

**a) Các khoản đầu tư lớn: Không có**

**b) Các công ty con, công ty liên kết:**

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Kinh doanh gạch ốp lát Viglacera và Công ty Cổ phần Thương mại Viglacera nên kết quả kinh doanh có một số chỉ tiêu chưa đạt được kế hoạch đề ra.

**4. Tình hình tài chính**

**a) Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	326.127.194.650	376.967.190.308	15,59
Doanh thu thuần	567.795.922.881	637.745.032.584	12,32
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	16.444.976.618	9.121.055.082	- 44,54
Lợi nhuận khác	(4.439.503.651)	3.442.580.932	177,30
Lợi nhuận trước thuế	12.005.472.967	12.563.636.014	4,65
Lợi nhuận sau thuế	9.492.099.862	9.666.008.088	1,83
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	10%	15%	50%

**b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu**

Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
TSNH/Nợ ngắn hạn	0,87 lần	0,97 lần	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
(TSNH- Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,29 lần	0,25 lần	



Các chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,72 lần	0,76 lần	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,63 lần	3,13 lần	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	3,62 lần	3,56 lần	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,74 lần	1,70 lần	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,67%	1,51%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	10,56%	10,58%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	2,91%	2,56%	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

**a) Cổ phần:**

Tổng số cổ phiếu: 6.989.800 cổ phiếu thường, cổ phiếu quỹ: không

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 6.989.800 cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu quỹ: Không

Cổ tức, lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: không

**b) Cơ cấu cổ đông:**

Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 31/12/2022

TT	Tên cổ đông	Số CMND	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Viglacera		Tầng 16, 17 Tòa nhà Viglacera. Số 01 Đại lộ Thăng Long, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội	3.570.000	51,07
2	Nguyễn Minh Tuấn	010411942	Kiến Hưng, Hà Đông, Hà Nội	1.081.000	15,47

Cơ cấu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>I. Cổ đông trong nước</b>			
Cá nhân	371	3.403.102	48,69
Tổ chức	10	3.570.588	51,08
<b>II. Cổ đông nước ngoài</b>			
Cá nhân	7	16.110	0,23
<b>Tổng</b>	<b>388</b>	<b>6.989.800</b>	<b>100</b>

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 31/12/2022 do VSD cung cấp)



- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có.
- f) Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty
6. Tác động đến môi trường.  
 Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có.
7. Quản lý nguồn vật liệu
- a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm, dịch vụ trong năm.
- + Than: 25.506.370 kg
  - + Khí LPG: 205.304kg
  - + Khí CNG: 149.060,707 mmBTU
  - + Màu: 59.199,6 kg
  - + Men: 7.783.108,5 kg
  - + Xương: 159.438.673 kg
  - + Bao bì vỏ hộp: 6.784.789 cái
- b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ: 100%
- c) Tiêu thụ năng lượng
- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp  
 Điện: 20.698.788 kwh  
 Dầu diezen: 173.663 lít
  - Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có
  - Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo): Không có.
  - Tiêu thụ nước  
 Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng  
 Nguồn cung cấp nước: Công ty cổ phần nước sạch Vĩnh Phúc  
 Lượng nước sử dụng: 33.732 m<sup>3</sup>  
 Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế, tái sử dụng: 100%.
- d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
8. Chính sách liên quan đến người lao động
- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình người lao động.
- Số người lao động: 360 người
  - Mức lương trung bình: 13.920.000 đồng/người/tháng
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
- + Ký kết thỏa ước lao động tập thể
  - + Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN
  - + Tổ chức khám sức khỏe hàng năm cho người lao động
  - + Tổ chức phong trào thể thao, văn nghệ



- + Thực hiện chuẩn hệ thống đảm bảo ATLD và PCCN
- + Chế độ bồi dưỡng độc hại
- + Thăm hỏi ốm đau...

**c) Hoạt động đào tạo người lao động:**

- Số giờ đào tạo trung bình, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

STT	Nội dung đào tạo	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	Thời gian
<b>I</b>	<b>Chương trình tổng công ty</b>					
1	Đào tạo cao đẳng Viglacera	Người	17	17	100%	
2	Phổ biến, cập nhật, áp dụng Tiêu chuẩn kỹ năng nghề	Người	25	36	144%	Tháng 9
3	Bồi dưỡng chuyên môn công nghệ sản xuất gạch ốp lát	Người	25	23	92%	Tháng 5
4	Đào tạo lập trình PLC	Người	25	7	28%	Tháng 6
<b>II</b>	<b>Đào tạo nội bộ</b>					
1	Đào tạo về công tác 5S/Kaizen	Người	50	215	430%	Tháng 3
2	Tập huấn sơ cấp cứu tai nạn lao động	Người	15	37	247%	Tháng 4
3	Đào tạo vệ sinh viên	Người		18	Phát sinh	Tháng 4
4	Đào tạo vận hành lò nung	Người		45	Phát sinh	Tháng 5
5	Đào tạo vệ sinh điều hòa	Người		9	Phát sinh	Tháng 6
6	Huấn luyện Phòng chống bão lụt	Người	40	38	95%	Tháng 8
7	Đào tạo phát triển năng lực quản lý cấp trung	Người	10	12	120%	Tháng 10
8	Đào tạo vẽ Autocard cơ bản	Người	10	12	120%	Tháng 10
<b>III</b>	<b>Đào tạo bên ngoài</b>					
1	Đào tạo về thiết kế mỹ thuật	Người	3	1	33%	Tháng 1
2	Đào tạo an toàn lao động	Người	355	215	61%	Tháng 3
3	Đào tạo tin học văn phòng Word, Excel nâng cao, lập báo cáo Slide	Người	20	31	155%	Tháng 4
4	Đào tạo quản trị nghề nhân sự chuyên nghiệp	Người	2	1	50%	Tháng 5
5	Đào tạo kỹ năng làm việc nhóm, nâng cao hiệu suất làm việc	Người	10	35	350%	Tháng 5
6	Đào tạo nghiệp vụ, chính sách Pháp luật mới	Người	10	2	20%	Tháng 5
7	Đào tạo vận hành máy CNC	Người		1	Phát sinh	Tháng 6
8	Đào tạo Quản đốc chuyên nghiệp	Người	3	3	100%	Tháng 6
9	Quản trị sự thay đổi	Người	4	35	875%	Tháng 6
10	Đào tạo lập dự toán đầu tư và bóc tách khối lượng công trình	Người	2	2	100%	Tháng 7
11	Đào tạo quản lý dự án	Người	2	4	200%	Tháng 7
12	Huấn luyện PCCC định kỳ	Người	40	54	135%	Tháng 7
13	Tập huấn phổ biến Luật lao động	Người	5	2	40%	Tháng 7



STT	Nội dung đào tạo	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	Thời gian
14	Thiết kế chi tiết 3D nâng cao	Người	4	1	25%	Tháng 8
15	Đào tạo vận hành an toàn lò hơi	Người	40	44	110%	Tháng 8
16	Đào tạo giảng viên nội bộ	Người		13	Phát sinh	Tháng 8
17	Nhận thức và Đánh giá viên nội bộ HTQLCL Theo ISO 9001:2015	Người		5	Phát sinh	Tháng 9
18	PCCC vận hành trạm điện	Người	35	35	100%	Tháng 10
19	Xây dựng chuỗi giá trị và thiết lập mục tiêu cải tiến với Lean six sigma	Người	25	41	164%	Tháng 11
20	Đào tạo Quản lý vận hành, bảo dưỡng lưới điện trung hạ thế; An toàn điện	Người		17	Phát sinh	Tháng 11
21	Đào tạo An toàn hóa chất	Người		68	Phát sinh	Tháng 11
22	Đào tạo Nâng bậc và khảo sát bậc thợ	Người	100	238	238%	Tháng 11
23	Tập huấn chính sách pháp luật về Môi trường	Người	7	3	43%	Tháng 11
24	Đào tạo kiểm toán viên năng lượng	Người		2	Phát sinh	Tháng 12
25	Đào tạo kỹ thuật hàn	Người		37	Phát sinh	Tháng 12
	<b>Cộng</b>	<b>Người</b>	<b>884</b>	<b>1359</b>		

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

+ 100% cán bộ CNV mới tuyển dụng đều được học nội quy và quy trình công nghệ của Công ty nhằm bước đầu làm quen với công việc và hiểu thêm về các giá trị cốt lõi của Công ty. Thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo về cải tiến kỹ thuật công nghệ, về kỹ năng quản lý cho cán bộ CNV từ đó năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc được nâng cao. Giúp cho người lao động cập nhật các kiến thức, kỹ năng mới, áp dụng thành công các thay đổi về kỹ thuật công nghệ.

+ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục: Công ty tiếp tục duy trì và phát huy mảng đào tạo phát triển kỹ năng quản lý cho lực lượng lao động chủ chốt của Công ty.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu SXKD chính:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	TH 2022	So sánh (%)	
						TH/KH	TH 22/TH 21
1	LN trước thuế	tr.đồng	12.005	12.000	12.564	105	105
2	Doanh thu thuần	tr.đồng	567.796	611.540	637.745	104	112
3	Khấu hao TSCĐ	tr.đồng	43.483	46.935	41.811	89	96
	KH cơ bản	tr.đồng	27.594	29.835	26.251	88	95
	Khấu hao SCL	tr.đồng	15.166	17.300	15.867	91	102
4	Giá trị SXCN (HH)	tr.đồng	545.848	626.100	665.057	106	122
5	Tồn kho thành phẩm	tr.đồng	74.965	95.305	110.562	116	147
	Số lượng	1.000 m2	1.071	1.375	1.448	106	135
6	Công nợ phải thu	tr.đồng	21.579	22.500	23.228	103	108
7	Chi phí bán hàng	tr.đồng	9.540	11.154	7.055	63	74



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	TH 2022	So sánh (%)	
						TH/KH	TH 22/TH 21
8	Chi phí Quản lý	tr.đồng	22.705	24.213	26.797	111	118
9	Chi phí Tài chính	tr.đồng	11.069	15.799	10.659	67	96
10	Lao động bình quân	người	380	360	360	100	95
11	Thu nhập BQ/ng/thg	1000đ	12.677	13.916	13.920	100	110

Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 12,56 tỷ đồng bằng 105 % so với kế hoạch và bằng 105 % so với thực hiện năm 2021

Doanh thu thuần của Công ty đạt 638 tỷ đồng bằng 104% kế hoạch năm và bằng 112% so với thực hiện năm 2021.

Giá trị SXCN đạt 665 tỷ đồng bằng 106% kế hoạch năm và bằng 122% so với thực hiện năm 2021

Khấu hao TSCĐ đạt 26,3 tỷ đồng bằng 88% kế hoạch năm và bằng 95% so với thực hiện năm 2021

Tồn kho thành phẩm 1.448.000 m2 giá trị là 110,6 tỷ đồng bằng 116% so với kế hoạch và bằng 147 % so với cùng kỳ năm 2021.

Dư nợ phải thu là 23,2 tỷ đồng tăng so với kế hoạch 728 triệu đồng và tăng so với thực hiện năm 2021 là 1.649 triệu đồng.

Thu nhập bình quân đạt 13.920.000 đồng/người/tháng bằng 100% kế hoạch và bằng 110% so với thực hiện năm 2021 tương đương tăng 1.243.000 đồng/người/tháng.

## 2. Đánh giá các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

### a) Công tác sản xuất

#### - Sản lượng sản xuất:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	TH 2022	So sánh		
						TH/KH (%)	TH-KH (m2)	TH/C. Kỳ (%)
1	PXSX01	m2	5.251.883	6.155.000	6.097.537	99,1	-57.463	116,1
2	PXSX02	m2	1.861.322	1.944.000	1.945.628	100,1	1.628	104,5
	Cộng		7.113.204	8.099.000	8.043.165	99,3	-55.835	113,1

Trong năm 2022 sản lượng sản xuất của Công ty đạt 8.043.165 m2 bằng 99 % so với kế hoạch và tăng 13 % so với thực hiện năm 2021, trong đó:

#### \* Phân xưởng sản xuất 01

Sản lượng sản xuất đạt 6.097.537 m2 bằng 99,1 % so với kế hoạch và bằng 116,1% so với thực hiện năm 2021. Sản lượng sản xuất thấp hơn so với kế hoạch 57.463 m2 là do dừng sản xuất tại dây chuyền 2 sớm hơn so với kế hoạch (Dừng từ ngày 16/11/2022).

Về cơ cấu sản phẩm căn cứ vào tình hình thị trường và điều kiện sản xuất thực tế Công ty đã cắt giảm sản xuất dòng sản phẩm KT 250x400 và KT 300x450, tăng sản lượng gạch KT 300x600.

#### \* Phân xưởng sản xuất 02

Sản lượng sản xuất đạt 1.945.628 m2 bằng 100,1% so với kế hoạch và bằng 104,5 % so với thực hiện năm 2021. Sản lượng sản xuất bình quân/ngày các sản phẩm ngói trong năm đều đạt và vượt kế hoạch, đã tăng được sản lượng sản xuất ngói T so với kế hoạch.



- Về chất lượng sản phẩm.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	TH 2022	So sánh (%)	
						TH/KH	TH/CK
1	PXSX01	%	95,9	97,0	95,9	98,9	100,0
2	PXSX02	%	95,6	97,0	97,1	100,1	101,5
	Cộng		95,8	97,0	96,2	99,2	100,4

Chất lượng sản phẩm toàn Công ty đạt 96,2 % bằng 99,2 % kế hoạch 2022 và tăng 0,4% so với thực hiện năm 2021, các sản phẩm đều đạt TCCS của Tổng công ty.

- Chất lượng sản phẩm tại PXSX 01 đạt 95,9% bằng 98,9 % kế hoạch và bằng 100% so với thực hiện năm 2021.

- Chất lượng sản phẩm tại PXSX 02 đạt 97,1% bằng 100,1% kế hoạch và tăng 1,5% so với thực hiện năm 2021. Năm 2022 PXSX 2 tiếp tục duy trì được việc đẩy mạnh chất lượng các sản phẩm ngói chủ đạo đều duy trì thực hiện tốt các tháng cuối năm đã đạt bình quân > 98% A1.

- Về tỷ lệ hao hụt

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	TH 2022	So sánh	
						TH-KH	TH 22 – TH 21
1	PXSX01	%	1,4	2,0	1,38	-0,62	-0,02
2	PXSX02	%	1,1	2,0	0,80	-1,20	-0,30

Năm 2022 tỷ lệ thu hồi của 2 PX đều đạt và thực hiện tốt hơn so với năm 2021.

b) Công tác khoa học công nghệ

- Về công nghệ

- Thử nghiệm và đưa vào sử dụng bài xương ộp và ngói trong điều kiện nguồn đất sét dẻo hạn chế đảm bảo ổn định sản xuất và đạt kế hoạch giao khoán về giá thành bài xương.

- Thử nghiệm và đưa vào sử dụng các bài phối liệu men engobe và men nền PXSX01 có giá thành giảm từ 3% - 5% với tổng chi phí tiết giảm là 1,9 tỷ đồng. Hoàn thành thử nghiệm bài men cho sản phẩm ngói nóc, ngói rìa.

- Đưa vào sử dụng 100% phế mài, gạch phế nghiền và bã men vừa mang lại hiệu quả kinh tế vừa không gia tăng lượng phế thải rắn làm ảnh hưởng đến môi trường.

- Về cải tiến thiết bị.

TT	Nội dung	Hiệu quả
1	Cải tạo, ghép tủ điện lò sấy và lò nung 2 tầng	Thuận lợi trong công tác sửa chữa và vận hành, giảm chi phí điện 374 triệu đồng/năm.
2	Cải tạo hệ thống điện 2 dây chuyên men và 2 lò nung DC1	Thuận lợi trong công tác sửa chữa và vận hành,
3	Cải tạo gộp tủ điện lò nung Bisquit & sấy 2 tầng - DC1	Thuận lợi trong công tác sửa chữa và vận hành đồng thời giảm chi phí điện 232 triệu đồng/năm.
4	Cải tạo hệ thống quạt trao đổi nhiệt lò nung Biscuits và nung men DC1	Bỏ bớt động cơ 37 kw và động cơ 15 kw, tiết kiệm chi phí điện 460 triệu đồng/năm.
5	Lắp biến tần cho toàn bộ lò nung 2 tầng và lò nung men dây chuyên 01 - PXSX01	Tiết kiệm điện 1,1 tỷ đồng/năm
6	Cải tạo tháp sấy phun A mục tiêu đưa tiêu hao than về 0,056 kg than/kg bột	Nâng công suất sấy từ 8,7 tấn/h lên 9,2 tấn/h. Giá trị làm lợi giảm tiêu hao than 1,330 tỷ đồng/năm



TT	Nội dung	Hiệu quả
7	Cải tiến máy xếp chồng gạch dây chuyền mài số 02 – PXSX01	Giá trị làm lợi 212 triệu đồng.
8	Cải tiến hệ thống cân cấp bột tự động cho các silo khu vực sấy phun	Giảm sức lao động và cải thiện môi trường làm việc.

**- Công tác phát triển sản phẩm mới:**

- + Thử nghiệm thành công sản phẩm phụ kiện ngói.
- + Phát triển sản phẩm 300x600 men matt mịn.
- + Phát triển bài phối liệu men sugar cho dòng sản phẩm kích thước 250x400 mm.
- + Nghiên cứu thành công sản phẩm men kháng khuẩn và nghiên cứu sản phẩm tạo ion âm.

**c) Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản và đáp ứng nguyên liệu đầu vào.**

**- Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản.**

Năm 2022 Công ty đã không lập kế hoạch đầu tư thiết bị lớn chỉ tập trung công tác BDSCL và đầu tư bổ sung biết bị nhỏ lẻ.

**- Công tác đáp ứng nguyên liệu, vật tư.**

- Trong năm 2022 vật tư nguyên liệu đầu vào được đáp ứng đầy đủ, không làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất, kinh doanh.

- Công tác dự trữ đất sét đạt 120.000 tấn tương đương gần 2 năm sản xuất nhưng lượng đất sét dẻo vùng Bắc Giang, Hải Dương vẫn còn khó khăn chưa nhập kho được trong năm.

- Giá mua nguyên liệu đầu vào: Năm 2022 là năm ảnh hưởng rất lớn bởi giá nguyên liệu đầu vào biến động lớn. Giá nhiên liệu than tăng bình quân 55% so với năm 2021, các nguyên nhiên liệu khác tăng bình quân ~ 10%.

**d) Công tác tổ chức lao động, chế độ chính sách cho người lao động và công tác đào tạo**

**- Về công tác tổ chức lao động:**

- Lao động bình quân năm 360 người.

- Trong năm 2022 tình hình lao động ổn định không có nhiều biến động. Lao động đã đáp ứng đầy đủ đảm bảo sản xuất ổn định.

- Trong năm Công ty tiếp tục tuyển bổ sung lao động có tay nghề cao, kinh nghiệm làm trong ngành ceramic, các kỹ sư Silicate, điện, tự động hóa, cơ khí.

**- Về thực hiện chế độ chính sách cho người lao động.**

- Công tác bảo hiểm xã hội: Tổng số phát sinh BHXH, BHYT, BHTN trong năm 2022 là 6,5 tỷ đồng, số đã nộp là 6,5 tỷ. Công ty không nợ bảo hiểm

- Thăm hỏi và chi trả chế độ ốm đau, thai sản, trợ cấp của người lao động được lập và quyết toán chi trả đầy đủ, đúng quy định. Trong năm 2022 có 564 lượt người được hưởng chế độ ốm đau, thai sản, tổng số tiền được duyệt và chi trả là: 446 triệu đồng (chủ yếu nghỉ dịch Covid-19). Chi trả trợ cấp thôi việc cho 01 lao động, số tiền là 18 triệu đồng;

- Thực hiện ND số 08/2022/QĐ-TTg, lập hồ sơ thanh toán hỗ trợ thuê nhà cho 47 hộ, số tiền là 70 triệu đồng



- Về công tác đào tạo:

Trong năm 2022 Công ty thực hiện đào tạo công tác an toàn lao động cho toàn bộ CBCNV Công ty. Công ty phối hợp cùng trường cao đẳng Viglacera mở các lớp đạo ngắn hạn nâng cao kỹ năng, nghiệp vụ và tay nghề cho CBCNV Công ty. Ngoài ra Công ty còn cử cán bộ đi tập huấn các trường đào tạo bên ngoài như: Tập huấn Luật Môi trường, 5S/Kaizen; ISO, Lao động tiền lương.

Tổng chi phí đào tạo năm 2022 là: 1.220 tr.đồng/ kế hoạch là: 1.378 tr.đồng bằng 88.5% kế hoạch. Trong đó TCT Viglacera – CTCP hỗ trợ 300 triệu đồng. Thực hiện đào tạo là 37/32 khóa đào tạo.

Các lớp đào tạo cụ thể như sau:

STT	Nội dung đào tạo	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	Thời gian
<b>I</b>	<b>Chương trình tổng công ty</b>					
1	Đào tạo cao đẳng Viglacera	Người	17	17	100%	
2	Phổ biến, cập nhật, áp dụng Tiêu chuẩn kỹ năng nghề	Người	25	36	144%	Tháng 9
3	Bồi dưỡng chuyên môn công nghệ sản xuất gạch ốp lát	Người	25	23	92%	Tháng 5
4	Đào tạo lập trình PLC	Người	25	7	28%	Tháng 6
<b>II</b>	<b>Đào tạo nội bộ</b>					
1	Đào tạo về công tác 5S/Kaizen	Người	50	215	430%	Tháng 3
2	Tập huấn sơ cấp cứu tai nạn lao động	Người	15	37	247%	Tháng 4
3	Đào tạo vệ sinh viên	Người		18	Phát sinh	Tháng 4
4	Đào tạo vận hành lò nung	Người		45	Phát sinh	Tháng 5
5	Đào tạo vệ sinh điều hòa	Người		9	Phát sinh	Tháng 6
6	Huấn luyện Phòng chống bạo lực	Người	40	38	95%	Tháng 8
7	Đào tạo phát triển năng lực quản lý cấp trung	Người	10	12	120%	Tháng 10
8	Đào tạo vẽ Autocard cơ bản	Người	10	12	120%	Tháng 10
<b>III</b>	<b>Đào tạo bên ngoài</b>					
1	Đào tạo về thiết kế mỹ thuật	Người	3	1	33%	Tháng 1
2	Đào tạo an toàn lao động	Người	355	215	61%	Tháng 3
3	Đào tạo tin học văn phòng Word, Excel nâng cao, lập báo cáo Slide	Người	20	31	155%	Tháng 4
4	Đào tạo quản trị nghề nhân sự chuyên nghiệp	Người	2	1	50%	Tháng 5
5	Đào tạo kỹ năng làm việc nhóm, nâng cao hiệu suất làm việc	Người	10	35	350%	Tháng 5
6	Đào tạo nghiệp vụ, chính sách pháp luật mới	Người	10	2	20%	Tháng 5
7	Đào tạo vận hành máy CNC	Người		1	Phát sinh	Tháng 6
8	Đào tạo quản đốc chuyên nghiệp	Người	3	3	100%	Tháng 6
9	Quản trị sự thay đổi	Người	4	35	875%	Tháng 6

STT	Nội dung đào tạo	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ	Thời gian
10	Đào tạo lập dự toán đầu tư và bóc tách khối lượng công trình	Người	2	2	100%	Tháng 7
11	Đào tạo quản lý dự án	Người	2	4	200%	Tháng 7
12	Huấn luyện PCCC định kỳ	Người	40	54	135%	Tháng 7
13	Tập huấn phổ biến Luật lao động	Người	5	2	40%	Tháng 7
14	Thiết kế chi tiết 3D nâng cao	Người	4	1	25%	Tháng 8
15	Đào tạo vận hành an toàn lò hơi	Người	40	44	110%	Tháng 8
16	Đào tạo giảng viên nội bộ	Người		13	Phát sinh	Tháng 8
17	Nhận thức và đánh giá viên nội bộ HTQLCL Theo ISO 9001:2015	Người		5	Phát sinh	Tháng 9
18	PCCC vận hành trạm điện	Người	35	35	100%	Tháng 10
19	Xây dựng chuỗi giá trị và thiết lập mục tiêu cải tiến với Lean six sigma	Người	25	41	164%	Tháng 11
20	Đào tạo quản lý vận hành, bảo dưỡng lưới điện trung hạ thế; an toàn điện	Người		17	Phát sinh	Tháng 11
21	Đào tạo an toàn hóa chất	Người		68	Phát sinh	Tháng 11
22	Đào tạo nâng bậc và khảo sát bậc thợ	Người	100	238	238%	Tháng 11
23	Tập huấn chính sách pháp luật về Môi trường	Người	7	3	43%	Tháng 11
24	Đào tạo kiểm toán viên năng lượng	Người		2	Phát sinh	Tháng 12
25	Đào tạo kỹ thuật hàn	Người		37	Phát sinh	Tháng 12
	<b>Cộng</b>	<b>Người</b>	<b>884</b>	<b>1359</b>		

e) **Công tác ANTT, AT-VSLĐ, PCCC, PCCN, ISO Môi trường và 5s/kaizen**

- + Công tác an ninh trật tự, giám sát Nhập – Xuất kho thành phẩm, vật tư nguyên, nhiên vật liệu được duy trì tốt;
- + Đảm bảo tốt công tác ANTT không để xảy ra thất thoát tài sản của công ty.
- + Thường xuyên hướng dẫn nhắc nhở đôn đốc CBCNV thực hiện nghiêm túc nội quy, quy định của Công ty, đặc biệt chú trọng trong việc thực hiện đúng quy định về giờ làm việc, giờ nghỉ ngơi và công tác bảo hộ lao động của CBCNV.
- + Thường xuyên kiểm tra, giám sát và quyết liệt trong việc nhắc nhở, xử lý các nguy cơ mất an toàn, không để xảy ra việc mất an toàn trong sản xuất, đảm bảo công tác vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt.
- + Công tác thực hiện 5S – Kaizen: Xây dựng sổ tay 5S Công ty,
- + Phát video lồng tiếng công tác phân loại rác thải, 5S/Kaizen và báo cáo 5S hàng tuần tại Nhà ăn
- + Thực hiện kiểm tra và lập báo cáo hàng tuần, tổng hợp hàng tháng các trường hợp vi phạm quy định.
- + Duy trì thực hiện chất lượng và môi trường theo hệ tiêu chuẩn ISO.



### 3. Tình hình tài chính

#### a) Tình hình tài sản

Trong năm 2022 tổng tài sản của Công ty tăng 15,59 % tương ứng với 50,8 tỷ đồng so với năm 2021. Cơ cấu tài sản thay đổi. Tài sản ngắn hạn tăng 39 % tương ứng tăng 74.8 tỷ đồng so với năm 2021. Tài sản dài hạn giảm 22 % tương ứng giảm 24 tỷ đồng so với năm 2021. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu do giảm tài sản cố định thanh lý TSCĐ hết khấu hao không sử dụng đến.

Hiệu quả sử dụng tài sản

Hệ số doanh thu thuần/Tổng tài sản năm 2021 = 1,74

Hệ số doanh thu thuần/Tổng tài sản năm 2022 = 1,68

Hệ số lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản năm 2021 = 0,037

Hệ số lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản năm 2022 = 0,033

#### b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>236.237.278.080</b>	<b>285.591.737.600</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>220.716.684.492</b>	<b>275.525.530.226</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	52.089.045.187	72.938.788.299
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.782.391.787	7.509.481
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.726.769.485	2.617.643.333
4. Phải trả người lao động	10.621.730.918	11.711.209.967
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	4.896.659.112	3.115.258.831
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.318.678.476	1.336.354.494
7. Phải trả ngắn hạn khác	4.067.453.198	3.976.469.336
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	140.544.766.211	178.260.397.367
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	669.190.118	1.561.899.118
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>5.520.593.588</b>	<b>10.066.207.374</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	2.528.447.745	1.895.793.269
2. Phải trả dài hạn khác	1.042.069.400	1.041.069.400
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	11.950.076.443	7.129.344.705

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 và năm 2022)

### 4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Trong năm 2022 Công ty duy trì định biên lao động theo hướng tinh gọn bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả quản lý và năng suất lao động đã thực hiện từ năm 2021.

Về thực hiện chế độ chính sách cho người lao động: Công ty đã thực hiện chế độ chính sách cho người lao động được đầy đủ.

Về tiền lương Công ty đã thực hiện trả lương đúng thời hạn, mức lương cũng đã đảm bảo ổn định đời sống của CBCNV.

### 5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

#### a) Tăng trưởng và phát triển bền vững

Công ty xác định mục tiêu và khẳng định sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Công ty chính là chất lượng sản phẩm. Vì vậy, Công ty sẽ tập trung triệt để cho công tác duy trì về chính sách chất lượng của sản phẩm ngay từ ngày đầu triển khai sản xuất và không ngừng tập trung phấn đấu để đạt được mục tiêu này.

#### b) Nâng cao năng lực tài chính và khả năng cạnh tranh trên thị trường

Để tồn tại và phát triển trong điều kiện môi trường kinh doanh có nhiều diễn biến phức tạp như hiện nay. Công ty phải không ngừng củng cố khả năng tài chính và nâng cao khả năng cạnh tranh nhằm khai thác tốt nhu cầu thị trường, cụ thể:



Định hướng phát triển những dòng sản phẩm mới có chất lượng tốt giá trị cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường; những dòng sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu và có khả năng xuất khẩu.

Thúc đẩy công tác tiêu thụ sản phẩm, tăng cường thu hồi công nợ đồng thời giảm tối đa hàng hóa, nguyên vật liệu tồn kho nhằm tăng vòng quay vốn lưu động, giảm chi phí tài chính, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cũng như năng lực tài chính của Công ty.

**c) Đầu tư mở rộng và chiều sâu nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh**

Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long sẽ luôn luôn phát triển theo chiều sâu để nâng cao hiệu quả kinh doanh trong điều kiện thị trường luôn có sự cạnh tranh khốc liệt, môi trường kinh doanh biến động theo cả nền kinh tế vĩ mô trong nước và nền kinh tế thế giới. Trong đó, Công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực và thiết bị công nghệ. Nguồn nhân lực đóng vai trò quyết định đến sự thành bại của doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty sẽ không ngừng hoàn thiện chính sách tuyển dụng, đào tạo và chính sách đãi ngộ đối với người lao động.

**6. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:**

Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch hay dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán bằng cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong báo cáo tài chính.

**7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty**

Bên cạnh việc phát triển sản xuất kinh doanh và quản trị Công ty. Công ty luôn nhận thức rõ trách nhiệm của mình trong việc tham gia đóng góp để xây dựng và phát triển môi trường và xã hội.

**a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.**

Lượng nước sử dụng: 33.732 m<sup>3</sup>

Điện: 20.698.788 kwh

Dầu diezen: 173.663 lít

Lượng phế liệu và nước thải công nghiệp được tái sử dụng 100%.

**b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

- Số người lao động: 360 người

- Mức lương trung bình: 13.920.000 đồng/người/tháng

- Công ty có chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

+ Thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN

+ Tổ chức khám sức khỏe hàng năm cho người lao động

+ Tổ chức phong trào thể thao, văn nghệ

+ Thực hiện chuẩn hệ thống đảm bảo ATLĐ và PCCN

+ Chế độ bồi dưỡng độc hại

+ Thăm hỏi ốm đau...

**c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

**IV. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị**

**1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty**

- Lương, chế độ chính sách và chăm lo đời sống vật chất cho người lao động: Công ty thanh toán tiền lương và đóng các chế độ cho người lao động như BHYT, BHXH, BHTN đầy đủ, kịp thời.

- Toàn thể CBCNV trong toàn Công ty là một khối đoàn kết, với tinh thần trách nhiệm cao, đội ngũ CBCNV có trình độ tay nghề, kiên định chung tay xây dựng Công ty phát triển vững mạnh.



## 2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Về nhiệm vụ kinh doanh: Ban giám đốc đã rất cố gắng trong việc hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2022 trên các chỉ tiêu mà Đại hội cổ đông và Tổng công ty Viglacera – CTCP (Cổ đông chi phối) đã phê duyệt.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

### a) Nâng cao chất lượng sản phẩm:

Chất lượng sản phẩm không ngừng được nâng cao, đáp ứng được tiêu chuẩn cơ sở của Tổng Công ty Viglacera-CTCP.

### b) Nâng cao sản lượng sản xuất và đẩy mạnh phát triển sản phẩm mới:

Sản lượng năm 2022 là 8.043.165m<sup>2</sup>, các năm tiếp theo tiếp tục duy trì sản lượng ở mức lớn hơn 8 triệu m<sup>2</sup>.

Đẩy mạnh sản xuất các dòng sản phẩm ngói mới, dòng sản phẩm Platinum và các dòng sản phẩm có giá trị cao.

### c) Tăng dự trữ nguyên liệu, dự trữ nguyên liệu đất sét tại Công ty là 2 năm sản xuất.

### d) Đảm bảo môi trường sản xuất trong sạch, thiết bị hoạt động ổn định và luôn như mới.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Cơ cấu của Hội đồng quản trị: Gồm 5 thành viên, trong đó có 01 thành viên độc lập không điều hành (Ông Đinh Quang Huy).

TT	Họ và tên	Chức danh trong HĐQT	Chức danh quản lý	Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		Ghi chú
				Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)	
1	Lê Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	Giám đốc điều hành Công ty CP Viglacera Hà Nội			
2	Đinh Quang Huy	UV HĐQT		124.800	0,178	
3	Cao Thị Nhung	UV HĐQT	TP tổ chức lao động Tổng công ty Viglacera - CTCP			
4	Đoàn Hải Mậu	UV HĐQT	Giám đốc điều hành	90.000	0,129	
5	Nguyễn Việt Hồng	UV HĐQT	Quản đốc PXSX01	500	0,007	

#### b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không

#### c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2022 được thể hiện qua các cuộc họp và lấy ý kiến biểu quyết bằng phiếu, cụ thể như sau:

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01.1/TLT-HĐQT	06/01/2022	Nghị quyết phê duyệt đầu tư thiết bị phun men multicolor	100%
2	02/TLT-HĐQT	24/02/2022	Nghị quyết HĐQT thông qua kết quả	100%

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			sản xuất kinh doanh Quý IV.2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I.2022	
3	03/TLT-HĐQT	25/03/2022	Nghị quyết HĐQT phê duyệt phương án vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2022	100%
4	05/TLT-HĐQT	12/04/2022	Nghị quyết HĐQT thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý I.2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý II.2022	100%
5	06/TLT-HĐQT	22/04/2022	Nghị quyết HĐQT phê duyệt quyết toán bảo dưỡng sửa chữa lớn năm 2022	100%
6	07/TLT-HĐQT	25/04/2022	Nghị quyết HĐQT phê duyệt đầu tư xe quét bụi.	100%
7	08/TLT-HĐQT	29/07/2022	Báo cáo tình hình quản trị Công ty 6 tháng đầu năm 2022	100%
8	09/TLT-HĐQT	09/08/2022	Nghị quyết HĐQT thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý II.2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý III.2022	100%
9	10/TLT-HĐQT	07/10/2022	Nghị quyết HĐQT thông qua kết quả sản xuất kinh doanh Quý III.2022 và kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý IV.2022	100%
10	11/TLT-HĐQT	02/12/2022	Nghị quyết HĐQT phê duyệt thanh lý TSCĐ	100%
11	12/TLT-HĐQT	05/12/2022	Nghị quyết HĐQT phê duyệt phương án BDSCL thiết bị năm 2023.	100%

d) Hoạt động của thành viên hội đồng quản trị độc lập, hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về đào tạo quản trị Công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm.

- Ông: Lê Tiến Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông: Đinh Quang Huy - Ủy viên Hội đồng quản trị
- Ông: Đoàn Hải Mậu - Ủy viên Hội đồng quản trị

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát: Gồm có 3 thành viên

TT	Họ và tên	Chức vụ	Sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết		Ghi chú
			Số lượng (CP)	Tỷ lệ (%)	
1	Ngô Trọng Toán	Trưởng ban	0	0	
2	Phùng Văn Hải	Ủy viên	662	0,009	
3	Sái Thị Ngát	Ủy viên	0	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính.

Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của công ty, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết.



Báo cáo đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, các báo cáo khác của công ty, tính trung thực hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh.

Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.**

**a) Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:**

Thành viên HĐQT và BKS được nhận thù lao với mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên. Mức lương của Người quản lý được Tổng công ty Viglacera - CTCP quy định.

Mức lương, thù lao của HĐQT, BKS, Ban GD năm 2022 như sau.

**- Thù lao của HĐQT, BKS:**

TT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao (VNĐ/năm)
I	Hội đồng quản trị		
1	Lê Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	60.000.000
2	Đình Quang Huy	UV HĐQT	60.000.000
3	Cao Thị Nhung	UV HĐQT	36.000.000
4	Đoàn Hải Mậu	UV HĐQT	48.000.000
5	Nguyễn Việt Hồng	UV HĐQT	36.000.000
II	Ban kiểm soát		
1	Ngô Trọng Toán	Trưởng ban	42.000.000
2	Phùng Văn Hải	Ủy viên	18.000.000
3	Sái Thị Ngát	Ủy viên	18.000.000

**- Lương của Người quản lý.**

TT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương (VNĐ/năm)
1	Đoàn Hải Mậu	Giám đốc điều hành	720.000.000
2	Phạm Ngọc San	Phó giám đốc	600.000.000
3	Luyện Công Anh	Kế toán trưởng	480.000.000

Toàn bộ thù lao cho thành viên HĐQT tham gia điều hành được hạch toán vào chi phí quản lý hàng năm của công ty, thù lao HĐQT không tham gia điều hành được chi trả từ nguồn lợi nhuận sau thuế. Thù lao của BKS được hạch toán chi phí quản lý của công ty.

**b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có**

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có**

**d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:**

Công ty thực hiện đúng các quy định về quản trị Công ty

**VI. Báo cáo tài chính**

**1. Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viglacera Thăng Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

(Trích nguồn: Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 (đã được kiểm toán) của công ty TNHH hãng kiểm toán AASC).

**2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.**

Toàn văn báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2022 của Công ty cổ phần Viglacera Thăng Long được công bố tại website: [www.viglacerathanglong.com.vn](http://www.viglacerathanglong.com.vn)

Xác nhận của đại diện theo pháp luật  
Giám đốc Công ty



Đoàn Hải Mậu